

Số: 81/BC-STC

Lạng Sơn, ngày 04 tháng 3 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình giá cả thị trường Lạng Sơn và công tác giá tháng 02, phương hướng nhiệm vụ tháng 3/2019**

#### **I. Tổng quan về tình hình thị trường, giá cả tháng 02/2019**

Trong tháng 01 và đầu tháng 02/2019 là trùng vào Tết Nguyên đán Kỷ Hợi, do nhu cầu mua sắm hàng hóa của người dân tăng cao nên giá cả nhiều mặt hàng tăng hơn so với ngày thường.

Tại địa bàn tỉnh, do đặc thù của địa phương có các phiên chợ vào ngày giáp Tết như ngày 27, 28, 29, 30 Tháng Chạp, bà con tập trung mua bán các mặt hàng, đồ dùng để sử dụng vào dịp Tết. Do vậy, sức mua đều tăng hơn so với tháng trước.

So với tháng trước, trong 11 nhóm mặt hàng chính có 8 nhóm hàng hóa tăng: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống; nhóm đồ uống và thuốc lá; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình; nhóm giao thông; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác; 3 nhóm hàng còn lại là nhóm thuốc và dịch vụ y tế; nhóm bưu chính viễn thông và nhóm giáo dục giá ổn định không thay đổi so với tháng trước. Giá vàng trong tháng tăng, giảm theo giá vàng hàng ngày trên thị trường cả nước và thế giới.

#### **1. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 02/2019 so với tháng 12/2018:**

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh: Chỉ số giá tiêu dùng tháng 02/2019 so với tháng 01/2019 tăng 1,09%; so với cùng kỳ năm trước tăng 2,92%; so với tháng 12/2018 tăng 1,32%.

Trong 11 nhóm mặt hàng chính, có 8 nhóm hàng hóa tăng: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,36%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,17% ; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,53%; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,49%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,15%; nhóm giao thông tăng 0,13%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,13%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,37%; còn lại các nhóm hàng không đổi so với tháng trước.

Chỉ số giá Vàng tăng 0,93%; Chỉ số giá Đô la Mỹ tăng 0,02%.

Diễn biến cụ thể từng nhóm hàng như sau:

#### **1.1. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,36%, trong đó:**

- *Nhóm hàng lương thực* tăng 1,76%: Chỉ số giá nhóm lương thực tăng chủ yếu ở một số nhóm mặt hàng sau: nhóm mặt hàng gạo tăng 2,22% do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng, trong đó tăng chủ yếu ở mặt hàng gạo nếp và gạo tẻ. Ngoài ra, các mặt hàng bột mì và ngũ cốc khác tăng 2,24%; lương thực chế biến tăng 0,78%.

Giá một số mặt hàng lương thực tại các chợ: Giá gạo tám thơm ở mức 17.000 đ/kg - 18.000 đ/kg, gạo bao thai ở mức 16.000đ/kg - 18.000 đ/kg, gạo nếp ngon 24.000 đ/kg - 27.000 đ/kg; khoai lang tươi 13.000 đ/kg - 15.000 đ/kg; sắn tươi có giá 7.000 đ/kg - 8.000 đ/kg; bắp (ngô) vàng còn nguyên bắp có giá dao động từ 60.000 đ/10 bắp - 80.000 đ/10 bắp.

- *Thực phẩm* tăng 2,56%: Chỉ số giá của hầu hết các mặt hàng trong nhóm thực phẩm đều tăng, cụ thể giá các mặt hàng thực phẩm như sau:

+ Giá thịt lợn tăng 3,59%, giá thịt bò tăng 1,56%;

+ Giá thịt gia cầm tươi sống tăng 3,16%, đặc biệt giá gà ta tăng từ 10.000 - 15.000 đ/kg do nhu cầu của người dân tăng cao để cúng giao thừa và trong những ngày Tết chính;

+ Giá thủy sản tươi sống tăng 2,97%, thủy sản chế biến tăng 2,94%, trong đó: cá biển khô, cá cơm, cá nục đóng hộp tăng, tôm nõn khô tăng từ (2,23%, - 4,13%);

+ Giá bánh kẹo, bánh quy, sô cô la, mứt các loại, cà phê bột, cà phê hòa tan, chè búp khô có mức tăng từ 0,97% - 3,64%;

+ Giá quả tươi dịp sát tết tăng cao nhất 6,44%, tăng ở các loại quả trung bày mâm ngũ quả như chuối xanh, thanh long, đu đủ, cam, xoài, nho, nhãn...; mức giá tăng từ 10.000 đ/kg - 20.000 đ/kg;

+ Giá các loại đậu đỗ và hạt tăng 3,29%, lạc và vừng tăng 3,62%, đậu hạt các loại tăng 3,79% so với tháng trước do phong tục làm các loại bánh phục vụ Tết Nguyên đán của người dân địa phương như bánh khảo, bánh chưng.

Mặc dù rơi vào thời điểm trước, trong và sau Tết Nguyên đán nhưng giá rau tươi chỉ tăng nhẹ so với tháng trước, do thời tiết thuận lợi, nhiều loại rau xanh đến mùa sinh trưởng nhanh và được thu hoạch nên sản lượng rau xanh trên thị trường dồi dào và nhiều chủng loại như rau cải xanh, bắp cải, cà chua, su hào, củ cải, rau ché biển các loại (cải bẹ muối dưa, cà pháo muối xôi), rau gia vị tươi, khô các loại (hành lá tươi, hành khô, tỏi khô, nghệ tươi, gừng tươi).

- *Ăn uống ngoài gia đình* tăng 2,12%. Giá lương thực, thực phẩm tháng này cao hơn các tháng trước cùng với nhu cầu ăn uống ở nhà hàng vào dịp Tết thường cao hơn nên giá cơm bình dân tăng 2,35%. Uống ngoài gia đình giảm 1,30%.

**1.2. Nhóm hàng may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,53%:** Giá vải các loại tăng 2,42%; giá quần áo may sẵn tăng 0,52%; giày dép tăng 0,59%; dịch vụ may mặc như khăn mặt, khăn quàng, găng tay, bít tất... tăng từ 0,18% - 0,2%.

**1.3. Nhóm hàng nhà ở, điện nước, chất đốt và Vật liệu xây dựng tăng 0,49%**

- Giá nước sinh hoạt tăng 1,29%;

- Giá dầu hỏa bình quân tháng 02/2019 giảm 0,18% so với tháng trước do điều chỉnh giảm giá (357 đồng) vào ngày 31/01/2019;

- Giá điện sinh hoạt tăng 0,70%; giá dịch vụ về điện sinh hoạt tăng 1,43% do nhu cầu nâng cấp sửa chữa bảo dưỡng đường điện và nhu cầu sử dụng điện tháng Tết tăng;

- Giá ga tăng 10.000 đồng/bình (loại bình 12kg), tăng 2,86% so với tháng trước do sự điều chỉnh giá gas trên thị trường.

- Nhu cầu sửa chữa nhà ở cuối năm tăng làm cho giá dịch vụ sửa chữa nhà tăng 1,15%;

- Các mặt hàng vật liệu xây dựng, dịch vụ bảo dưỡng nhà ở khác và dịch vụ nước sinh hoạt, giá một số mặt hàng còn lại trong nhóm ổn định.

**1.4. Nhóm mặt hàng thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,15%:** Một số mặt hàng như đồ dùng trong nhà, giường, tủ, bàn ghế, dụng cụ nấu ăn, bát, đĩa, ly, cốc, dao kéo nhà bếp, giấy ăn, lọ hoa, đồ dùng bằng kim loại, đồ dùng bằng nhựa và cao su, dịch vụ sửa chữa thiết bị gia đình giá tăng giá từ (0,16% - 1,07%).

**1.5. Nhóm giao thông tăng 0,13%:**

- Dịch vụ trông giữ xe máy, ô tô trong dịp Tết tăng tại các địa điểm trung tâm thành phố và các điểm đền, chùa với mức tăng phổ biến từ 5.000 đ/xe máy - 10.000 đ/xe máy và 15.000 đồng/xe ô tô - 20.000 đồng/xe ô tô so với giá trước Tết.

- Giá vé ô tô khách tăng 3,87% do nhu cầu đi lại của người dân, các hộ kinh doanh cá thể kinh doanh vận tải tự tăng giá vé, dao động từ 10% - 20% (tuyến Lạng Sơn - Hà Nội giá vé ngày thường là 120.000 đồng/vé, những ngày trước và sau Tết giá 130.000 đồng/vé - 150.000 đồng/vé). Riêng giá cước taxi, giá vé xe buýt và giá vé đăng ký chạy tuyến cố định vẫn giữ mức giá ổn định.

- Giá vé tàu hỏa tăng 15,84% do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam tăng giá vé vào dịp cuối năm 2018 và đầu năm 2019.

- Giá xăng, dầu trong tháng giảm do được điều chỉnh theo giá xăng, dầu thế giới vào ngày 31/01/2019. Trong tháng, có một đợt điều chỉnh giá xăng E5 và một đợt điều chỉnh giảm giá dầu diesel: giá xăng E5 được điều chỉnh giảm 211 đồng/lít; dầu diesel giảm 573 đồng/lít làm cho giá nhóm xăng dầu giảm 0,17% so với tháng trước.

Các mặt hàng còn lại của nhóm giá ổn định.

**1.6. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,37%** chủ yếu ở mặt hàng dịch vụ chăm sóc cá nhân như cắt tóc, gội đầu, uốn tóc tăng 0,35%; đồ dùng cá nhân tăng 0,08% so với tháng trước. Dịp Tết, nhu cầu về các đồ thờ cúng vào dịp cuối năm tăng nên giá các mặt hàng này tăng 1,43% so với tháng trước.

**1.7. Nhóm văn hóa giải trí và du lịch tăng 1,13%:** Thời gian nghỉ Tết dài ngày, nhu cầu du lịch tăng cao nên giá các tour du lịch trong nước tăng lên 1,55%; du lịch ngoài nước tăng 1,82%; giá khách sạn, nhà nghỉ tăng 2,16% so với tháng trước.

Giá các loại hoa tươi tăng 7,57% do nhu cầu hoa tươi vào dịp Tết, ngày lễ Valentine 14/2 khiến giá hoa tăng cao, cụ thể: hoa hồng có giá từ 8.000 - 12.000 đồng/cành, hoa cúc có giá từ 5.000 - 8.000 đồng/cành.

**1.8. Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,17%:** Các loại bia và nước ngọt tăng trong dịp tết, do thời tiết xuân năm nay nắng, nóng nên nhu cầu tiêu thụ của người dân tăng. Chỉ số giá nhóm này tăng ở mặt hàng bia lon 0,56%, bên cạnh đó mặt hàng rượu mạnh, rượu nhẹ giá tăng từ 0,34% - 0,50%.

Ba nhóm còn lại là nhóm thuốc và dịch vụ y tế, nhóm bưu chính viễn thông và nhóm giáo dục giá ổn định.

**1.10. Giá Vàng, Đô la Mỹ:** Giá Vàng trong tháng diễn biến tăng, giảm theo giá Vàng toàn quốc và Thế giới, bình quân giá Vàng trong tháng ở mức 3.707.071 đồng/chỉ (tăng 37 đồng/chỉ so với bình quân tháng 01/2019); Tỷ giá trao đổi giữa đồng Đô la Mỹ và đồng Việt Nam bình quân ở mức 23.249 VNĐ/USD (tăng 5 VNĐ/USD so với tháng trước).

## **2. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 02/2019 so với cùng kỳ năm trước**

Chỉ số giá CPI chung toàn tỉnh tháng 02/2019 tăng 2,92% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của một số nhóm hàng sau: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 6,57%; Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,23%; Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 2,44%; Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,45%; Nhóm hàng thiết bị đồ dùng gia đình tăng 0,99%; Nhóm giáo dục tăng 12,32%; Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,17%.

## **3. Dự báo chỉ số giá tiêu dùng tháng 3/2019**

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: tháng 3/2019 nhóm mặt hàng lương thực có xu hướng tăng do rơi vào các dịp lễ hội sau Tết Nguyên đán.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng và hàng hóa, dịch vụ khác tăng do nhu cầu vui chơi, giải trí nhân dịp lễ hội.

Các nhóm hàng còn lại có xu hướng ổn định.

## **II. Công tác chỉ đạo Quản lý giá và công sản**

**1. Công tác thông tin báo cáo:** thực hiện tốt công tác thông tin thị trường giá cả giữa các địa phương, báo cáo đầy đủ, chính xác những thông tin giá cả về Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính, Viện nghiên cứu thị trường, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Lãnh đạo Sở để nắm bắt và có biện pháp xử lý trong công tác điều hành quản lý kinh tế.

## **2. Công tác thẩm định phương án giá:**

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng, xác định giá; Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể; hệ số điều chỉnh giá đất;

- Thẩm định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất, các khu đất do UBND các huyện, thành phố trình.

- Xây dựng kế hoạch và phương án bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất năm 2019 trên địa bàn các huyện, thành phố.

- Thẩm định giá đất cụ thể cho các dự án thực hiện công tác BT, HT GPMB khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và phương án tính tiền thuê đất một lần cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

- Thực hiện cung cấp thông tin về giá các mặt hàng cho các đơn vị để áp dụng xử phạt vi phạm hành chính;

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành định giá khởi điểm hàng hóa có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước để chuyển cho tổ chức bán đấu giá tài sản;
- Thẩm định giá tài sản và cung cấp thông tin giá các trang thiết bị, vật tư...;

#### **4. Công tác xử lý, định giá tài sản hàng hóa sung quỹ Nhà nước, định giá tài sản trong tố tụng hình sự và quản lý tài sản:**

- Thực hiện cung cấp thông tin về giá các mặt hàng cho các đơn vị để áp dụng xử phạt vi phạm hành chính;
- Định giá tài sản trong tố tụng hình sự cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh; phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành định giá khởi điểm hàng hóa có quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước để tổ chức bán đấu giá tài sản.

**5. Công tác bình ổn giá, kiểm tra giá:** tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của tổ chức, cá nhân thực hiện và biểu mẫu đăng ký, kê khai giá của các tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký giá, kê khai giá theo quy định.

### **III. Phương hướng, nhiệm vụ công tác giá tháng 3/2019**

1. Duy trì tốt công tác thông tin báo cáo giá về Cục quản lý giá - Bộ Tài chính, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh để kịp thời nắm bắt và có biện pháp xử lý trong điều hành quản lý kinh tế;

2. Tham mưu trình UBND tỉnh đề nghị xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh về các khoản thu phí, lệ phí;

3. Thẩm định giá đất cụ thể cho các dự án thực hiện công tác BT, HT GPMB khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và phương án tính tiền thuê đất một lần cho các tổ chức, cá nhân theo quy định;

4. Thẩm định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất, các khu đất do UBND các huyện, thành phố trình; Xây dựng phương án bán đấu giá và giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất/quyền thuê đất đối với các khu đất được giao; tham gia giám sát công tác đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại các tổ chức đấu giá đối với các khu đất, trụ sở đã có Quyết định phê duyệt giá khởi điểm của UBND tỉnh; ...

5. Thực hiện giải quyết tốt các công việc phát sinh liên quan.

Trên đây là báo cáo của Sở Tài chính về tình hình công tác giá cả tháng 02, phương hướng nhiệm vụ tháng 3/2019 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn./.

#### **Nơi nhận:**

- Cục Quản lý giá - Bộ TC (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Cục T.Kê tỉnh;
- UBND, Phòng TC-KH các huyện, T.phố;
- Sở Tài chính các tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- CVP, Phòng: QLNS, TCT QĐ 33;
- P.Tin học TK (Công TTĐT STC);
- Lưu VT, QLG&CS

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Đức Thịnh**

**CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG TỈNH LẠNG SƠN  
THÁNG 02/2019**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày 02/2019 của Sở Tài chính Lạng Sơn)*

SỐ TT	NHÓM HÀNG HÓA	CHỈ SỐ THÁNG BÁO CÁO SO VỚI (%)		
		CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC	THÁNG 12 NĂM TRƯỚC	THÁNG TRƯỚC
	<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG</b>	<b>102,92</b>	<b>101,32</b>	<b>101,09</b>
1	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	106,57	103,41	102,36
	<i>Trong đó: 1- Lương thực</i>	<i>105,29</i>	<i>105,62</i>	<i>101,76</i>
	<i>2- Thực phẩm</i>	<i>105,78</i>	<i>102,74</i>	<i>102,56</i>
	<i>3- Ăn uống ngoài gia đình:</i>	<i>109,88</i>	<i>104,45</i>	<i>102,12</i>

2	Đồ uống và thuốc lá	100,23	101,12	100,17
3	May mặc, mũ nón, giày dép	102,44	101,00	100,53
4	Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	100,45	100,76	100,49
5	Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,99	100,76	100,15
6	Thuốc và dịch vụ Y tế	99,32	100,00	100,00
7	Giao thông	96,51	97,15	100,13
8	Bưu chính viễn thông	99,62	99,74	100,00
9	Giáo dục	112,32	100,00	100,00
10	Văn hóa, giải trí và du lịch	99,86	100,53	101,13
11	Hàng hóa và dịch vụ khác	103,17	101,58	100,37
	<b>VÀNG 99,9%</b>	<b>100,34</b>	<b>102,94</b>	<b>101,66</b>
	<b>ĐÔ LA MỸ loại từ 50-100 USD</b>	<b>101,51</b>	<b>99,55</b>	<b>99,98</b>